

Bản án số: 1066/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2018

V/v: tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: OÂng Đỗ Việt Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên

2. Ông Nguyễn Văn Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 31/10/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 869/2018/HNST ngày 06/9/2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Ngọc Tr, sinh năm 1991

Địa chỉ: 149/46, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1990

Địa chỉ: 394/7, phường X, quận Tân Bình, Tp HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018 và bản tự khai ngày 13/9/2018 của nguyên đơn bà Phùng Ngọc Tr trình bày: Tôi kết hôn với ông N vào ngày 28/02/2013. Trong thời gian chung sống, chúng tôi có nhiều mâu thuẫn, ông N ngoại tình và sử dụng chất ma túy và hiện nay đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện Nhị Xuân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi xin được ly hôn với ông N.

Về con chung, chúng tôi có 02 con chung là Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 23/6/2013 và Đỗ Anh K, sinh ngày 05/11/2006. Khi ly hôn tôi nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Bị đơn ông Đỗ Trọng N trình bày: Tôi và bà Tr kết hôn ngày 28/02/2013 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Tân Bình. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên tôi đồng ý ly hôn với bà Tr.

Về con chung: chúng tôi có 02 con chung như bà Tr trình bày và đồng ý để bà Tr nuôi dưỡng 02 con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Phùng Ngọc Tr trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với ông N; về con chung, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02

con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đủ thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào lời khai của đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét việc khởi kiện của bà Phùng Ngọc Tr phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Xét bị đơn ông Đỗ Trọng N tại bản tự khai ngày 14/9/2018 xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là có căn cứ.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32, quyền số 01/2013 ngày 28/02/2013 của Ủy ban nhân dân phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Theo nội dung đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn thì việc bà xin ly hôn với ông N là do mâu thuẫn trong cách sống, ông N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và nghiện ma túy. Cha mẹ hai bên đã khuyên răn nhưng ông N không thay đổi. Nguyên đơn cho biết hiện nay không còn tình cảm với ông N nên xin được ly hôn và tại bản tự khai ông N cũng đồng ý ly hôn với bà Tr

Về con chung: Bà Tr và ông N có 02 con chung là Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 23/6/2013 và Đỗ Anh K, sinh ngày 05/11/2006. Ông N đồng ý giao con cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà Tr không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr, ông N khai không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ, số tiền này được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí nguyên đơn đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008934 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 107 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phùng Ngọc Tr

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Ngọc Tr được ly hôn ông Đỗ Trọng N.
- Về con chung: Giao bà Phùng Ngọc Tr trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ là Đỗ Ngọc Q, sinh ngày 23/6/2013 và Đỗ Anh K, sinh ngày 05/11/2006. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Đỗ Trọng N do bà Phùng Ngọc Tr không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr và ông N khai không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phùng Ngọc Tr phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn), số tiền này được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0008934 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nơi nhận:

TÒA

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. TB;
- THADS Q. TB;
- UBND P 12 QTB
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đỗ Việt Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ ngày 31/10/2018. Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Vũ Trung Kiên

Nguyễn Văn Bình

Đỗ Việt Hùng